

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 1184/UBND-NCTH ngày 15 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc chủ trương lập: Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án định hướng phát triển thành phố Vị Thanh, thành phố Ngã Bảy và thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 68/TTr-SXD ngày 30 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đề án quy hoạch

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi, quy mô và giai đoạn lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu trực tiếp gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Phụng Hiệp với diện tích tự nhiên của huyện là 48.450,35ha, bao gồm 03 thị trấn (Cây Dương, Kinh Cù, Búng Tàu) và 12 xã (Phụng Hiệp, Long Thạnh, Thạnh Hòa, Tân Bình, Hòa An, Hiệp Hưng, Tân Phước Hưng, Hòa Mỹ, Phương Bình, Phương Phú, Tân Long và Bình Thành). Ranh giới tiếp giáp xung quanh như sau:

+ Phía Đông giáp huyện Châu Thành, thành phố Ngã Bảy và huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

+ Phía Tây giáp huyện Vị Thủy và thị xã Long Mỹ.

+ Phía Nam giáp huyện Mỹ Tú và huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

+ Phía Bắc giáp huyện Châu Thành A.

- Giai đoạn lập quy hoạch: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phụng Hiệp được nghiên cứu cho giai đoạn: Định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Dự báo về quy mô dân số:

+ Đến năm 2030: Dân số toàn huyện dự kiến khoảng 195.000 - 200.000 người.

+ Đến năm 2050: Dân số toàn huyện dự kiến khoảng 230.000 - 240.000 người.

3. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch

3.1. Quan điểm

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phụng Hiệp phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đặt sự phát triển của vùng huyện Phụng Hiệp trong bối cảnh phát triển chung của tỉnh Hậu Giang và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực, mục tiêu, động lực của sự phát triển; cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Phát triển không gian vùng phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tích hợp phát triển các ngành, đặc biệt là công nghiệp, dịch vụ thương mại - du lịch, khai thác tiềm năng lợi thế, tài nguyên đặc trưng cho phát triển từng tiểu vùng. Phát triển có trọng điểm, trọng tâm, theo chiến lược toàn diện và cân bằng. Phát triển mô hình đô thị sinh thái, công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh, nông nghiệp chất lượng ứng dụng công nghệ cao, du lịch, hướng đến nền kinh tế tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng khung đồng bộ để kết nối với các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh để tạo động lực phát triển cho huyện Phụng Hiệp.

3.2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quy hoạch tổ chức không gian đô thị, nông thôn phù hợp với từng đặc điểm địa hình, kinh tế - xã hội, đời sống người dân; xây dựng mô hình phát triển không gian tổng thể vùng huyện.

- Xây dựng huyện Phụng Hiệp phát triển hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn, các khu chức năng (công nghiệp, nông nghiệp, du lịch,...); có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tạo tiền đề thúc đẩy phát triển bền vững về kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Làm cơ sở để quản lý, kiểm soát phát triển không gian vùng, chỉ đạo các ban ngành, các cấp chính quyền lập các dự án quy hoạch ngành, chương trình đầu tư; hoạch định các chính sách phát triển và thu hút đầu tư trên địa bàn huyện.

- Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhất là nông nghiệp, xây dựng nông thôn nâng cao, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch nông nghiệp, nông thôn và nâng cao mức sống người dân bằng mức bình quân chung của tỉnh.

4. Tính chất, chức năng quy hoạch

4.1. Tính chất

Là vùng huyện phát triển dựa vào 4 trụ cột chính: Công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và dịch vụ - du lịch, trong đó công nghiệp, dịch vụ - du lịch là động lực chính để phát triển kinh tế - xã hội cho huyện trong giai đoạn dài hạn.

4.2. Chức năng

- Về dài hạn vùng huyện Phụng Hiệp sẽ hình thành vùng công nghiệp thứ 2 của tỉnh Hậu Giang (sau vùng Châu Thành và Châu Thành A) nhờ tận dụng nút giao giữa hai cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và cao tốc Cần Thơ - Cà Mau. Vùng công nghiệp này tận dụng thế mạnh ở điểm giao hai cao tốc, liên

kết theo trục dọc sông Hậu và trục Bắc Nam. Các lĩnh vực công nghiệp ở vùng này tận dụng chủ yếu là kết nối đường bộ cao tốc, cũng như kết nối nhanh về thành phố Cần Thơ, tới ga tàu - sân bay Cần Thơ và cảng biển Trần Đề.

- Là vùng phát triển các không gian dịch vụ du lịch - sinh thái miệt vườn và bảo tồn, dịch vụ du lịch bản sắc văn hóa vùng sông nước.

- Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, khu du lịch Mùa Xuân là động lực quan trọng cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, bảo tồn cảnh quan và nghiên cứu đa dạng sinh học.

- Phát triển nông nghiệp dựa trên các cây con chủ lực cây ăn trái - lúa gạo - thủy sản. Chuyển đổi mô hình phát triển nông nghiệp, nông thôn từ phân tán, nhỏ lẻ sang tập trung, liên kết quy mô lớn.

- Phát triển nông nghiệp gắn kết với du lịch, đô thị hóa, công nghiệp hóa để tạo ra sự phát triển đột phá theo chuỗi giá trị.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Xác định một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án như chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế - xã hội, về môi trường, về hạ tầng kỹ thuật, v.v... đảm bảo phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển của khu vực; đối với các khu vực nông thôn cần phải đáp ứng các tiêu chí về nông thôn mới nâng cao.

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2030
I	Đất xây dựng đô thị loại IV		
1	- Đất dân dụng bình quân toàn đô thị	m ² /người	50 - 80
2	- Đất đơn vị ở đô thị bình quân toàn đô thị	m ² /người	28 - 45
3	- Đất công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị	m ² /người	≥ 3
4	- Đất cây xanh công cộng đô thị	m ² /người	≥ 5
II	Đất xây dựng đô thị loại V		
1	- Đất dân dụng bình quân toàn đô thị	m ² /người	70 - 100
2	- Đất đơn vị ở đô thị bình quân toàn đô thị	m ² /người	45 - 55
3	- Đất công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị	m ² /người	≥ 3
4	- Đất cây xanh công cộng đô thị	m ² /người	≥ 4
III	Đất xây dựng khu vực nông thôn		
1	- Đất xây dựng công trình nhà ở	m ² /người	≥ 25
2	- Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	m ² /người	≥ 5
3	- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	m ² /người	≥ 5
4	- Đất cây xanh công cộng	m ² /người	≥ 2

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2030
IV	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật		
1	Chỉ tiêu cấp điện		
	- Khu vực đô thị	w/người	≥ 330
	- Khu vực nông thôn	w/người	≥ 150
	- Khu vực sản xuất công nghiệp	kW/ha	140 - 350
2	Cấp nước sinh hoạt		
	- Khu vực đô thị	lít/người/ngđ	≥ 120
	- Khu vực nông thôn	lít/người/ngđ	≥ 60
	- Khu vực sản xuất công nghiệp	m ³ /ha/ngđ	20 - 40
3	Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý		
	- Khu vực đô thị	% nước cấp	≥ 80
	- Khu vực nông thôn	% nước cấp	≥ 80
	- Khu vực sản xuất công nghiệp	% nước cấp	100
4	Chỉ tiêu chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khu vực đô thị và nông thôn		
	- Đô thị loại IV	kg/người/ngày	$\leq 0,9$
	- Đô thị loại V	kg/người/ngày	$\leq 0,8$
	- Khu vực nông thôn	kg/người/ngày	$\leq 0,8$
	- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý	%	≥ 98
5	Chỉ tiêu chất thải rắn phát sinh khu vực sản xuất công nghiệp	tấn/ha	$\leq 0,3$
	- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý	%	100

- Các chỉ tiêu hạ tầng xã hội: Tuân thủ kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy hoạch xây dựng nông thôn.

- Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: Sẽ được xem xét cụ thể trong quá trình triển khai lập quy hoạch để phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển của từng khu vực phù hợp Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

6. Các yêu cầu nội dung nghiên cứu quy hoạch

6.1. Yêu cầu mức độ điều tra khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu, đánh giá hiện trạng vùng huyện

Phân tích, đánh giá, nhận dạng đặc điểm tự nhiên, hiện trạng theo phương pháp SWOT (thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức) trên cơ sở thống kê, thu thập các số liệu tổng hợp về sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan và các quy định của quy hoạch phân khu có liên quan, các dự án liên quan đến khu vực quy hoạch.

6.2. Yêu cầu định hướng phát triển không gian vùng

a) Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng:

- Đề xuất phương án phân bố các tiểu vùng kiểm soát quản lý phát triển, trong đó xác định quy mô, ranh giới các không gian phát triển như: công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ,....gồm có:

+ Định hướng quy hoạch phát triển các khu sản xuất công nghiệp tập trung kết hợp gắn với hạ tầng kỹ thuật phục vụ, bảo đảm tính thống nhất và khả thi của các đồ án quy hoạch, khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn trong công tác quy hoạch.

+ Định hướng phân bố các tiểu vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, trong đó cần lưu ý đến các vùng chuyên canh, sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, sản xuất hàng hóa đặc thù địa phương.

+ Xác định các vùng, khu vực phát triển du lịch, vùng cảnh quan, không gian mở, hạn chế xây dựng,... và kết nối với hạ tầng khung của toàn vùng.

+ Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng.

+ Xác định quy mô, tính chất các khu chức năng.

- Xác định và tổ chức hệ thống đô thị thông qua nghiên cứu cấu trúc và mô hình phát triển phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội. Phân loại và xác định quy mô dân số, nhu cầu đất đai cho các đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính trên cơ sở phù hợp với quy hoạch tỉnh đã phê duyệt.

- Xác định các điểm dân cư nông thôn, đề xuất mô hình ở và hạ tầng kết nối trên cơ sở gắn kết các quy hoạch xã nông thôn mới trên địa bàn, khắc phục các bất cập, chồng chéo trong quy hoạch nếu có.

- Tổ chức hệ thống các công trình hạ tầng xã hội như:

+ Hệ thống các trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hoá, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng huyện và tiểu vùng.

+ Hệ thống các trung tâm thương mại dịch vụ, các khu vực phát triển du lịch, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, các di tích văn hoá lịch sử có giá trị.

- Xác định các nội dung định hướng về tầm nhìn phát triển vùng đến năm 2050.

b) Xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển:

Trên cơ sở đặc điểm địa hình và phát triển kinh tế của huyện, định hướng phát triển và tổ chức không gian phát triển của huyện Phụng Hiệp theo Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Huyện Phụng Hiệp được phân thành 3 tiểu vùng phát triển như sau:

- Vùng phát triển công nghiệp - đô thị - thương mại dịch vụ.

- Vùng phát triển nông nghiệp - nông nghiệp công nghệ cao kết hợp du lịch.

- Vùng phát triển đô thị - thương mại dịch vụ - du lịch sinh thái.

c) Định hướng phát triển không gian vùng huyện:

- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển, xác định quy mô, tính chất các khu chức năng:

+ Công nghiệp: Tập trung đầu tư, thu hút đầu tư phát triển các cụm công nghiệp; khuyến khích đầu tư phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của địa phương.

+ Nông nghiệp: Không gian sản xuất nông nghiệp phân bố trên toàn bộ lãnh thổ huyện Phụng Hiệp với các cây trồng chủ lực như: lúa, cây lâu năm (xoài, cam, quýt, dứa).

+ Du lịch: Phụng Hiệp là một điểm đến có vai trò quan trọng trong định hướng phát triển du lịch tỉnh Hậu Giang trong đó tập trung khai thác thế mạnh của vùng (Khu di tích Căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ, Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, Địa điểm thành lập tiểu đoàn Tây Đô, Khu du lịch Mùa Xuân, cây Lộc Vừng 300 năm tuổi...). Đồng thời, dựa trên tiềm năng của các đô thị để phát triển thành các đô thị du lịch của vùng.

+ Thương mại dịch vụ: Hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện phân bố chủ yếu ở thị trấn Kinh Cù, Búng Tàu, Cây Dương, Tân Long, Cái Sơn, ... Trong đó chú trọng phát triển các hoạt động thương mại dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp (thu mua, vận chuyển các sản phẩm nông nghiệp), hướng tới hình thành nền nông nghiệp quy mô lớn và bền vững.

- Xác định cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị và điểm dân cư nông thôn.

- Định hướng phát triển đô thị: Giai đoạn 2021 - 2030 thị trấn Cây Dương đạt tiêu chí đô thị loại IV; thị trấn Kinh Cù, thị trấn Búng Tàu đô thị loại V; hình thành 2 đô thị mới là Cái Sơn (xã Phương Bình) và Tân Long (xã Tân Long) đạt tiêu chí đô thị loại V, là các đô thị dịch vụ, du lịch của vùng.

- Tại các xã, hình thành các điểm dân cư nông thôn dựa trên hiện trạng phân bố dân cư nhằm đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật hiệu quả, hạn chế phát triển dân cư tràn lan, sử dụng đất canh tác và ảnh hưởng đến môi trường. Mỗi xã sẽ hình thành 01 điểm dân cư trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung.

6.3. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội vùng huyện

Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm:

- Trung tâm giáo dục đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng.

- Trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng.

- Khu du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị.

6.4. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng huyện

a) Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng, quy hoạch thoát nước mặt:

- Đề xuất các giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng trên cơ sở bảo vệ, tôn tạo cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng các điều kiện kỹ thuật an toàn trong xây dựng; ưu tiên giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng từ những quỹ đất còn hoang hóa, hạn chế phát triển trên quỹ đất sản xuất nông nghiệp.

- Đề xuất các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ như xây dựng đê, kè, hồ chứa,... bảo vệ tại các vùng xung yếu tại các lưu vực sông, phát triển hệ thống thủy lợi đầu mối, mạng lưới thoát nước mưa, giải pháp phù hợp địa hình tự nhiên của huyện; đảm bảo nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt và các hoạt động sản xuất.

- Trên cơ sở điều kiện địa hình tự nhiên của huyện và vùng phụ cận, nghiên cứu phân vùng các lưu vực thoát nước chính đảm bảo tiêu thoát nước. Tùy theo từng điều kiện khác nhau để lựa chọn hệ thống thoát nước mưa phù hợp.

b) Giao thông:

- Cập nhật, dự báo nhu cầu vận tải hành khách, hàng hóa trên cơ sở nghiên cứu các chiến lược vận tải vùng tỉnh và của khu vực để đề xuất chiến lược phát triển giao thông vùng huyện đảm bảo cấu trúc giao thông phù hợp gắn với khung liên kết hạ tầng của toàn khu vực.

- Nghiên cứu đề xuất một số công trình giao thông mang tính đột phá, các giải pháp về nguồn vốn để triển khai thực hiện, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó ưu tiên các dự án kết nối các công trình đường cao tốc qua địa bàn.

- Nghiên cứu gắn kết đồng bộ các quy hoạch về hệ thống công trình đầu mối, mạng lưới giao thông cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh,... qua địa bàn huyện nhằm hình thành các trục hành lang, trục liên kết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- Xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối giao thông vùng như: Bến xe, cảng, bến tàu,... và các tuyến vận tải công cộng.

c) Cấp nước:

- Đề xuất chiến lược cấp nước sạch theo hướng ưu tiên khai thác sử dụng nguồn nước mặt; phương án quy hoạch, giải pháp và phạm vi bảo vệ nguồn nước đảm bảo nguồn nước ổn định, bền vững.

- Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn thiết kế, dự báo nhu cầu dùng nước; đánh giá chất lượng, lựa chọn nguồn nước; lựa chọn công nghệ xử lý nước.

- Xác định quy mô, vị trí, phạm vi nguồn nước, các công trình đầu mối cấp nước, nhà máy xử lý; công suất khai thác, mạng lưới đường ống cấp nước có ý nghĩa liên vùng.

- Đưa ra các giải pháp về bảo vệ nguồn nước và các công trình đầu mối cấp nước.

d) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Định hướng quy hoạch hệ thống thoát nước thải đảm bảo phù hợp đối với từng khu vực, từng khu chức năng; xác định lưu vực, hệ thống thoát nước thải cho từng khu vực trong vùng, các đô thị; xác định vị trí, quy mô, công suất các cơ sở xử lý nước thải, công trình đầu mối.

- Đề xuất giải pháp thu gom và quản lý chất thải rắn; vị trí các điểm trung chuyển chất thải rắn; xác định vị trí, quy mô khu xử lý chất thải rắn phù hợp định hướng quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Hậu Giang.

- Rà soát các điểm nghĩa trang hiện hữu, dần đóng cửa để tiến tới sử dụng nghĩa trang cấp vùng theo định hướng quy hoạch nghĩa trang tỉnh Hậu Giang đã phê duyệt.

e) Cấp điện:

Rà soát khả năng cấp điện của hệ thống truyền tải và phân phối điện hiện hữu và dự kiến nâng cấp, xây dựng hệ thống truyền tải và phân phối điện mới, đảm bảo nhu cầu cung cấp điện trong tương lai; đề xuất giai đoạn thực hiện xây dựng mạng lưới truyền tải và phân phối điện toàn vùng phù hợp định hướng quy hoạch tổng thể mạng lưới cấp điện của tỉnh.

g) Thông tin liên lạc:

- Xác định chỉ tiêu và tiêu chuẩn về hệ thống thông tin viễn thông.

- Dự báo nhu cầu sử dụng các thiết bị viễn thông.

- Xác định nguồn và mạng lưới cung cấp thông tin viễn thông.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng viễn thông đồng bộ, theo hướng hiện đại, tạo điều kiện cho mọi người dân, đặc biệt là người dân ở khu vực nông thôn, có thể khai thác thông tin thông qua mạng internet, phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh và sinh hoạt.

h) Hệ thống thủy lợi:

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi đảm bảo chống lũ, triều cường, ngăn mặn kết hợp giao thông nông thôn.

- Nâng mức đảm bảo tưới, tiêu, cấp nước. Từng bước hoàn thiện hệ thống thủy lợi bảo đảm cấp đủ nước đáp ứng yêu cầu sinh hoạt, sản xuất. Từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành khai thác các công trình và hệ thống thủy lợi, bảo đảm phát huy tối đa năng lực thiết kế.

- Tăng cường khả năng lấy phù sa, thường xuyên nạo, vét kênh rạch:

+ Đầu tư nạo vét bằng cơ giới các kênh rạch lớn bị bồi lắng.

+ Sử dụng lao động thủ công khơi thông dòng chảy các kênh rạch thủy lợi nội đồng.

+ Gia cố các đê bao hiện có, đầu tư xây dựng các đê bao ngăn lũ để bảo vệ lúa, vườn cây ăn trái và diện tích nuôi trồng thủy sản.

+ Xây dựng các trạm bơm điện để chủ động điều tiết mực nước trong các ô đê bao phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Kết hợp xây dựng tuyến dân cư, đắp đê bao với thi công đường giao thông, cầu, cống liên hoàn, tạo điều kiện ổn định sản xuất và sinh hoạt dân cư.

6.5. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Dự báo tác động môi trường vùng, đề xuất biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường vùng; các giải pháp, chương trình bảo vệ môi trường.

- Định hướng phát triển vùng cây xanh, mặt nước sinh thái gắn kết các vùng lân cận có ý nghĩa liên quan.

6.6. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Các chương trình, dự án ưu tiên phải là các dự án trọng điểm mang tính chiến lược thúc đẩy sự phát triển của vùng huyện Phụng Hiệp, có khả năng cao trong việc huy động nguồn vốn, thu hồi vốn nhanh, có hiệu quả hoặc các dự án cấp thiết tác động lớn đến sự phát triển bền vững của vùng huyện.

- Các dự án phải phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện của huyện, phát huy sức mạnh của các cấp chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn huyện.

- Phân kỳ đầu tư, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn đầu tư.

7. Yêu cầu về hồ sơ sản phẩm

Hồ sơ sản phẩm đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Phụng Hiệp.

- Cơ quan thẩm định quy hoạch, trình phê duyệt quy hoạch: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Hậu Giang.

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Đấu thầu lựa chọn Tư vấn theo quy định.

Điều 2. Giao Chủ tịch UBND huyện Phụng Hiệp chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức lập đồ án quy hoạch theo nội dung Nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp các dữ liệu cần thiết và bản đồ đã số hóa cho UBND huyện Phụng Hiệp để lập đồ án quy hoạch, nhằm đảm bảo sự trùng khớp với bản đồ địa hình.

Điều 4. Giám đốc: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Phụng Hiệp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, NCTH.PM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòa